

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

## BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học Máy tính

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Lưu Thùy Ngân

2. Ngày tháng năm sinh: 14/10/1981; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 118/83G3 đường Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 118/83G3 đường Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0915446667;

E-mail: ngannlt@uit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 10,2003 đến tháng, năm 05,2013: Trợ giảng tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 07,2013 đến tháng, năm 08,2021: Giảng viên; Từ tháng 8/2013: Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

Từ tháng 11/2020: Phó Hiệu trưởng tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin – Đại học Quốc gia TP. HCM

Chức vụ: Hiện nay: Phó Hiệu trưởng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Hiệu trưởng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ Thông tin – Đại học Quốc gia TP. HCM

Địa chỉ cơ quan: Khu phố 6, phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại cơ quan: 028 3725 2002

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM – Đại học Quốc

gia TP.HCM

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 05 tháng 09 năm 2003, số văn bằng: TH-109/09-03, 04426/71KH2, ngành: Công nghệ Thông tin,

chuyên ngành: Công nghệ Tri thức; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 24 tháng 03 năm 2008, số văn bằng: SHU JO 830, ngành: Khoa học và Công nghệ Thông tin,

chuyên ngành: Khoa học Máy tính; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Sau đại học Khoa học và Công nghệ Thông tin, Đại học Tokyo, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS [5] ngày 22 tháng 03 năm 2012, số văn bằng: HAKU JO 358, ngành: Khoa học và Công nghệ Thông tin,

chuyên ngành: Khoa học Máy tính; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Sau đại học Khoa học và Công nghệ Thông tin, Đại học Tokyo, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Kỹ thuật nền tảng xử lý văn bản tiếng Việt

2. Ứng dụng xử lý văn bản trong lĩnh vực giáo dục

3. Ứng dụng xử lý văn bản trong lĩnh vực kinh doanh - quản lý

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 12 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Bộ; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 55 bài báo khoa học, trong đó 8 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| TT | Tên khen thưởng                                                                                                                             | Cấp khen thưởng                                                                | Năm khen thưởng |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1  | Huy chương Tuổi trẻ sáng tạo                                                                                                                | Trung ương Đoàn Thanh niên<br>Cộng sản Hồ Chí Minh                             | 2002            |
| 2  | Danh hiệu “Nữ sinh viên tiêu<br>biểu” nhận phần thưởng Công<br>nghệ thông tin                                                               | Trung ương Đoàn Thanh niên<br>Cộng sản Hồ Chí Minh và Bộ<br>Khoa học Công nghệ | 2003            |
| 3  | Bằng khen do đã có thành tích<br>đóng góp cho phong trào hoạt<br>động của thanh niên và sinh<br>viên Việt Nam tại Nhật Bản<br>năm 2007-2008 | Đại sứ quán Nước CHXHCN<br>Việt Nam Tại Nhật Bản                               | 2008            |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

| TT       | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn<br>hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|----------------------|
| Không có |             |                   |               |                      |

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt thời gian công tác với vai trò Trợ giảng tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và với vai trò giảng viên tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin, từ tháng 7/2013 đến nay, tôi luôn hoàn thành nghĩa vụ giảng dạy, nghiên cứu theo quy định, hàng năm được đánh giá là viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi đã hướng dẫn thành công luận văn thạc sĩ cho 12 học viên cao học đã tốt nghiệp và nhận bằng. Tôi đã chủ trì thực hiện thành công 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM, Loại B Đại học Quốc gia TP.HCM), 02 đề tài cấp cơ sở và tham gia một số đề tài khác. Đặc biệt, Đề tài NCKH Loại B ĐHQG-HCM được nghiệm thu vào tháng 6/2021 đạt loại xuất sắc. Hàng năm tôi đều có công bố các bài báo khoa học trên tạp chí khoa học và kỷ yếu hội nghị khoa học uy tín trong và ngoài nước. Tôi tự đánh giá bản thân đủ tiêu chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 8 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

|  |
|--|
|  |
|--|

| TT              | Năm học   | Số lượng<br>NCS đã<br>hướng dẫn |     | Số lượng<br>ThS/CK2/BSNT<br>đã hướng dẫn | Số đồ<br>án, khóa<br>luận tốt<br>nghiệp<br>ĐH đã<br>HD | Số lượng<br>giờ giảng<br>dạy trực<br>tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ<br>giảng trực<br>tiếp/Số giờ<br>quy đổi/Số<br>giờ định mức<br>(*) |
|-----------------|-----------|---------------------------------|-----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                           | Phụ |                                          |                                                        | ĐH                                                 | SĐH |                                                                               |
| 1               | 2015-2016 |                                 |     | 3                                        |                                                        | 50                                                 |     | 50/100/28                                                                     |
| 2               | 2016-2017 |                                 | 1   | 3                                        | 7                                                      | 90                                                 |     | 90/286/80                                                                     |
| 3               | 2017-2018 |                                 | 1   | 4                                        | 1                                                      | 158                                                |     | 158/595/80                                                                    |
| 03 năm học cuối |           |                                 |     |                                          |                                                        |                                                    |     |                                                                               |
| 4               | 2018-2019 |                                 | 1   | 2                                        | 10                                                     | 77                                                 |     | 77/270/80                                                                     |
| 5               | 2019-2020 |                                 |     | 5                                        | 6                                                      | 110                                                |     | 110/534/80                                                                    |
| 6               | 2020-2021 | 1                               |     | 3                                        | 9                                                      | 98                                                 | 45  | 143/475/64                                                                    |
|                 |           |                                 |     |                                          |                                                        |                                                    |     |                                                                               |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ TOEFL

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS<br>hoặc HVCH/<br>CK2/ BSNT | Đối tượng |                       | Trách nhiệm<br>hướng dẫn |     | Thời gian<br>hướng dẫn từ<br>... đến ... | Cơ sở<br>đào<br>tạo                                                   | Ngày,<br>tháng,<br>năm được<br>cấp<br>bằng/có<br>quyết<br>định cấp<br>bằng |
|----|---------------------------------------|-----------|-----------------------|--------------------------|-----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|    |                                       | NCS       | HVCH/<br>CK2/<br>BSNT | Chính                    | Phụ |                                          |                                                                       |                                                                            |
| 1  | Trần Bá Dược                          |           | X                     | X                        |     | 04/2015 đến<br>05/2016                   | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 09/05/2016                                                                 |
| 2  | Tạ Thu Thủy                           |           | X                     | X                        |     | 07/2017 đến<br>12/2017                   | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/12/2017                                                                 |

|   |                         |  |   |   |  |                        |                                                                       |            |
|---|-------------------------|--|---|---|--|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|
| 3 | Huỳnh Sơn Lâm           |  | X | X |  | 01/2017 đến<br>12/2017 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/12/2017 |
| 4 | Dương Thị<br>Phương Mai |  | X | X |  | 04/2015 đến<br>12/2017 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/12/2017 |
| 5 | Nguyễn Văn<br>Kiệt      |  | X | X |  | 04/2015 đến<br>06/2017 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 01/06/2017 |
| 6 | Tôn Nữ Thị Sáu          |  | X | X |  | 04/2019 đến<br>06/2020 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/06/2020 |

|    |                     |  |   |   |  |                        |                                                                       |            |
|----|---------------------|--|---|---|--|------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|
| 7  | Đoàn Trí Dũng       |  | X | X |  | 09/2019 đến<br>06/2020 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/06/2020 |
| 8  | Võ Ngọc Minh        |  | X | X |  | 04/2019 đến<br>06/2020 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/06/2020 |
| 9  | Đỗ Thị Thanh<br>Tâm |  | X | X |  | 03/2017 đến<br>06/2020 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/06/2020 |
| 10 | Nguyễn Minh<br>Hào  |  | X | X |  | 09/2019 đến<br>11/2020 | Trường<br>Đại<br>học<br>Công<br>nghệ<br>Thông<br>tin,<br>ĐHQG-<br>HCM | 04/11/2020 |





|   |                     |    |                                                |   |    |                                                                                                                                    |
|---|---------------------|----|------------------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Giáo trình Dịch máy | GT | NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2015 | 3 | CB | Quyết định số 01/QĐ-ĐHCNTT-CTGT ngày 30/3/2015 về việc Công nhận giáo trình phục vụ đào tạo tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin |
|---|---------------------|----|------------------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 1 ( [1] )

*Lưu ý:*

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT                            | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                              | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý      | Thời gian thực hiện       | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả |  |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------|--|
| Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                                             |           |                           |                           |                                                   |  |
| 1                             | Nghiên cứu xây dựng công cụ hỗ trợ sửa lỗi viết tiếng Anh cho báo cáo khoa học lĩnh vực Công nghệ Thông tin | CN        | 47/2015/HĐ-SKH-CN, cấp Bộ | 01/07/2015 đến 30/09/2016 | 26-9-2017/Khá                                     |  |

|   |                                                                                                        |    |                       |                           |                     |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----------------------|---------------------------|---------------------|
| 2 | Phân tích ý kiến theo khía cạnh cho dữ liệu phản hồi của khách hàng dựa trên mô hình học sâu           | CN | B2019-26-01, cấp Bộ   | 01/06/2019 đến 30/05/2021 | 30-06-2021/Xuất sắc |
| 3 | Nguyên nhân và các giải pháp khắc phục vấn đề sinh viên bị buộc thôi học tại trường ĐH CNTT – ĐHQG-HCM | CN | D2015-11, cấp Cơ sở   | 01/07/2015 đến 30/06/2016 | 15-8-2016/Tốt       |
| 4 | Phân tích ý kiến cho dữ liệu phản hồi của người học                                                    | CN | D1-2017-06, cấp Cơ sở | 01/07/2017 đến 30/06/2018 | 09-10-2018/Khá      |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|--------------------|
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|--------------------|

| Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                                                           |   |       |                                                                                                                         |  |  |  |         |
|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------|
| 1                               | Word Alignment in English-Vietnamese Bilingual Corpus                                                                     | 7 | Không | International Conference on East-Asian Language Processing and Internet Information Technology, 01-2002, Hanoi, Vietnam |  |  |  | 01/2002 |
| 2                               | A Hybrid Approach to Word Order Transfer in English to Vietnamese Machine Translation                                     | 4 | Không | Machine Translation Summit IX, 09-2003, Louisiana, United States, ISBN: 978-87-90708-16-0                               |  |  |  | 09/2003 |
| 3                               | The parallel corpus approach to building the syntactic tree transfer set in the English-to-Vietnamese Machine Translation | 4 | Không | The International Conference on Electronics, Information and Communications (ICEIC), ISBN: 978-1-5386-4754-7            |  |  |  | 12/2004 |
| 4                               | An Advanced Approach in English-Vietnamese Syntactic Tree Transfer                                                        | 3 | Không | Recent Advances in Natural Language Processing, 09-2005, Borovets, Bulgaria, ISBN: 1-58811-618-2                        |  |  |  | 09/2005 |

|   |                                                                                                               |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                   |          |  |  |         |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 5 | Filling the Gaps Between Tools and Users: A Tool Comparator, Using Protein-Protein Interactions as an Example | 9 | Không | The Pacific Symposium on Biocomputing, 01-2008, Hawaii, United States, ISBN: 978-981-277-608-2                                                                                                                                                                    | - Scopus |  |  | 01/2008 |
| 6 | Shareable type system design for tool interoperability and combinatorial comparison                           | 9 | Không | 2021 Hồ sơ PGS<br>2021 Hồ sơ PGS<br>100% 12 G9 The First International Conference on Global Interoperability for Language Resources, 01-2008, Hong Kong<br>Screen reader support enabled.<br>The First International Conference on Global Interoperability for La |          |  |  | 01/2008 |

|    |                                                                                                                            |   |       |                                                                                                                                                               |          |  |  |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 7  | Towards<br>Data and<br>Goal<br>Oriented<br>Analysis:<br>Tool Inter-<br>Operability<br>And<br>Combinatorial<br>Comparison   | 9 | Không | The 3rd<br>International Joint<br>Conference on<br>Natural Language<br>Processing<br>(IJCNLP 2008),<br>2008, Hyderabad,<br>India, ISBN: 978-4-<br>9907348-0-0 | - Scopus |  |  | 01/2008 |
| 8  | Challenges<br>in Pronoun<br>Resolution<br>System for<br>Biomedical<br>Text                                                 | 3 | Có    | The 6th edition of<br>the Language<br>Resources and<br>Evaluation, 05-<br>2008, Marrakech,<br>Morocco, ISBN: 2-<br>9517408-4-0                                | - Scopus |  |  | 05/2008 |
| 9  | Exploring<br>Domain<br>Differences<br>for the<br>Design of a<br>Pronoun<br>Resolution<br>System for<br>Biomedical<br>Texts | 2 | Có    | The 22nd<br>International<br>Conference on<br>Computational<br>Linguistics, 2008,<br>Manchester, United<br>Kingdom, ISBN:<br>978-1-905593-44-6                | - Scopus |  |  | 05/2008 |
| 10 | Machine<br>Learning-<br>Based<br>Pronoun<br>Resolution<br>for<br>Biomedical<br>Text                                        | 4 | Có    | The 14th Natural<br>Language<br>Processing<br>Conference, 03-<br>2008, Tokyo, Japan                                                                           |          |  |  | 03/2008 |

|                               |                                                                            |   |       |                                                                                                                    |                             |  |                |         |
|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--|----------------|---------|
| 11                            | Overview of the Protein Coreference Task in BioNLP Shared Task 2011        | 3 | Có    | Proceedings of BioNLP Shared Task 2011 Workshop, 06-2011, Portland, Oregon, United States, ISBN: 978-1-932432-91-6 |                             |  |                | 06/2011 |
| 12                            | Overview of BioNLP shared task 2011                                        | 6 | Không | Proceedings of BioNLP Shared Task 2011 Workshop, 06-2011, Portland, Oregon, United States, ISBN: 978-1-932432-91-6 |                             |  |                | 06/2011 |
| Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                            |   |       |                                                                                                                    |                             |  |                |         |
| 13                            | Improving protein coreference resolution by simple semantic classification | 5 | Có    | BMC Bioinformatics, ISSN: 1471-2105                                                                                | X - SCIE<br><b>IF: 2.97</b> |  | 13/1           | 11/2012 |
| 14                            | The Genia Event and Protein Coreference tasks of BioNLP Shared Task 2011   | 6 | Không | BMC Bioinformatics, ISSN: 1471-2105                                                                                | X - SCIE<br><b>IF: 2.97</b> |  | 13/Suppl<br>11 | 06/2012 |

|    |                                                                                                |   |       |                                                                                            |                              |  |                 |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--|-----------------|---------|
| 15 | Exploring alignment-classification methods in the context of professional writing assistance   | 3 | Không | Data and Knowledge Engineering, ISSN: 0169-023X                                            | X - SCIE<br><b>IF: 1.992</b> |  | 114, 1-11       | 03/2018 |
| 16 | A Transformation Method for Aspect-based Sentiment Analysis                                    | 4 | Không | Journal of Computer Science and Cybernetics, ISSN: 1813-9663                               |                              |  | 34/4<br>323-333 | 01/2019 |
| 17 | ViMs: a high-quality Vietnamese dataset for abstractive multi-document summarization           | 6 | Không | Language Resources and Evaluation, ISSN: 1574-0218                                         | X - SCIE<br><b>IF: 1.261</b> |  |                 | 07/2021 |
| 18 | ViReader: A Wikipedia-based Vietnamese reading comprehension system based on transfer learning | 5 | Có    | Journal of Intelligent and Fuzzy Systems (Accepted), Print-ISSN: 10641246 E-ISSN: 18758967 | X - SCI<br><b>IF: 1.261</b>  |  |                 | 07/2021 |

|    |                                                                                                                       |   |    |                                                                                                                |                             |  |                           |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--|---------------------------|---------|
| 19 | A Joint Multi-task Architecture for Document-level Aspect-based Sentiment Analysis in Vietnamese                      | 5 | Có | International Journal of Machine Learning and Computing (IJMLC), Vol. 12, 10-2021, ISSN: 2010-3700             | X - Scopus                  |  |                           | 10/2021 |
| 20 | Two New Large Corpora for Vietnamese Aspect-Based Sentiment Analysis at Sentence Level                                | 5 | Có | Journal of ACM Transactions on Asian and Low-Resource Language Information Processing (TALLIP), ISBN:2375-4699 | X - SCI<br><b>IF: 0.788</b> |  | Vol 20, No. 4, Artic 1-22 | 06/2021 |
| 21 | Enhancing Lexical-Based Approach With External Knowledge for Vietnamese Multiple-Choice Machine Reading Comprehension | 5 | Có | IEEE Access, ISSN: 2169-3536                                                                                   | X - SCI<br><b>IF: 4.098</b> |  | 7, Vol 8<br>201404 - 2    | 07/2021 |



|    |                                                                                                              |   |       |                                                                                                                             |          |  |  |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 22 | Comparing Different Criteria for Vietnamese Word Segmentation                                                | 3 | Không | Workshop on South and Southeast Asian Natural Language Processing, 2012, Bombay, India                                      |          |  |  | 12/2012 |
| 23 | Utilizing State-of-the-art Parsers to Diagnose Problems in Treebank Annotation for a Less Resourced Language | 3 | Không | The 7th Linguistic Annotation Workshop & Interoperability with Discourse, 08-2013, Sofia, Bulgaria, ISBN: 978-1-937284-58-9 |          |  |  | 08/2013 |
| 24 | Alignment-based Annotation of Proofreading Texts toward Professional Writing Assistance                      | 2 | Không | The 6th International Joint Conference on Natural Language Processing, 2013, Nagoya, Japan, ISBN: 978-4-9907348-0-0         | - Scopus |  |  | 10/2013 |
| 25 | Question Answering System for Solving Entrance Exams in QA4MRE                                               | 5 | Không | Conference and Labs of the Evaluation Forum 2013 (CLEF 2013), 09-2013, Valencia, Spain, ISBN: 978-3-642-40801-4             |          |  |  | 09/3013 |

|    |                                                                                           |   |       |                                                                                                                                                 |          |  |  |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 26 | <a href="#">A Corpus for Studies on Academic Writing Assistance</a>                       | 2 | Có    | The 27th Annual Conference of the Japanese Society for Artificial Intelligence, 05-2013, Nagoya, Japan                                          |          |  |  | 05/2013 |
| 27 | <a href="#">Challenges and Solutions for Consistent Annotation of Vietnamese Treebank</a> | 4 | Không | Proceedings of the Tenth International Conference on Language Resources and Evaluation, 23-05-2016, Portorož, Slovenia, ISBN: 978-2-9517408-9-1 | - Scopus |  |  | 05/2016 |
| 28 | <a href="#">Alignment Classification for Professional Writing Assistance</a>              | 3 | Không | The Eighth International Conference on Knowledge and Systems Engineering, 06-10-2016, Hà Nội, Việt Nam, ISBN: 978-1-4673-8929-7                 | - Scopus |  |  | 12/2016 |
| 29 | <a href="#">Vietnamese Transition-based Dependency Parsing with Supertag Features</a>     | 2 | Không | The Eighth International Conference on Knowledge and Systems Engineering, 06-10-2016, Hanoi, Vietnam, ISBN: 978-1-4673-8929-7                   | - Scopus |  |  | 12/2016 |

|    |                                                                                                                                                   |   |       |                                                                                                                                                                        |          |  |  |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 30 | Effective<br>Attention-<br>based Neural<br>Architectures<br>for Sentence<br>Compression<br>with<br>Bidirectional<br>Long Short-<br>Term<br>Memory | 4 | Không | The 7th<br>International<br>Symposium on<br>Information and<br>Communication<br>Technology, 08-12-<br>2016, Hochiminh<br>City, Vietnam,<br>ISBN: 978-1-4503-<br>4815-7 |          |  |  | 12/2016 |
| 31 | Improving<br>Vietnamese<br>Sentence<br>Compression<br>by<br>Segmenting<br>Meaning<br>Chunks                                                       | 3 | Không | The 7th<br>International<br>Conference on<br>Knowledge and<br>System<br>Engineering, 10-<br>2015, Hochiminh<br>City, Vietnam,<br>ISBN: 978-1-4673-<br>8013-3           | - Scopus |  |  | 01/2016 |
| 32 | Error<br>Analysis for<br>Vietnamese<br>Dependency<br>Parsing                                                                                      | 2 | Không | The 7th<br>International<br>Conference on<br>Knowledge and<br>System<br>Engineering, 10-<br>2015, Hochiminh<br>City, Vietnam,<br>ISBN: 978-1-4673-<br>8013-3           | - Scopus |  |  | 01/2016 |

|    |                                                                                      |   |       |                                                                                                                               |  |  |  |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------|
| 33 | Ứng dụng hỗ trợ tra cứu cụm từ dùng trong bài báo khoa học bằng Tiếng Anh            | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin, 17-08-2017, Đà Nẵng, Việt Nam      |  |  |  | 08/2017 |
| 34 | Phân loại câu hỏi tiếng Việt ứng dụng cho hệ thống hỏi đáp mở                        | 3 | Không | Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin, 17-08-2017, Đà Nẵng, Việt Nam      |  |  |  | 08/2017 |
| 35 | Deep Learning versus Traditional Classifiers on Vietnamese Students' Feedback Corpus | 4 | Không | The 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science, 23-11-2018, Hochiminh City, Vietnam, ISBN: 978-1-5386-7984-5 |  |  |  | 11/2018 |
| 36 | Deep Learning for Aspect Detection on Vietnamese Reviews                             | 4 | Không | The 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science, 23-11-2018, Hochiminh City, Vietnam, ISBN: 978-1-5386-7984-5 |  |  |  | 11/2018 |

|    |                                                                                                                                                             |   |       |                                                                                                                                                                   |          |  |  |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 37 | UIT-VSFC:<br>Vietnamese<br>Students'<br>Feedback<br>Corpus for<br>Sentiment<br>Analysis                                                                     | 5 | Không | The 10th<br>International<br>Conference on<br>Knowledge and<br>Systems<br>Engineering, 01-11-<br>2018, Hochiminh<br>City, Vietnam,<br>ISBN: 978-1-5386-<br>6113-0 | - Scopus |  |  | 11/2018 |
| 38 | Variants of<br>Long Short-<br>Term<br>Memory for<br>Sentiment<br>Analysis on<br>Vietnamese<br>Students'<br>Feedback<br>Corpus                               | 3 | Không | The 10th<br>International<br>Conference on<br>Knowledge and<br>Systems<br>Engineering, 01-11-<br>2018, Hochiminh<br>City, Vietnam,<br>ISBN: 978-1-5386-<br>6113-0 | - Scopus |  |  | 11/2018 |
| 39 | LSTM Easy-<br>first<br>Dependency<br>Parsing with<br>Pre-trained<br>Word<br>Embeddings<br>and<br>Character-<br>level Word<br>Embeddings<br>in<br>Vietnamese | 3 | Không | The 10th<br>International<br>Conference on<br>Knowledge and<br>Systems<br>Engineering, 01-11-<br>2018, Hochiminh<br>City, Vietnam,<br>ISBN: 978-1-5386-<br>6113-0 | - Scopus |  |  | 11/2018 |

|    |                                                                                                                    |   |       |                                                                                                                                                     |          |  |  |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 40 | Error Analysis for Vietnamese Named Entity Recognition on Deep Neural Network Models                               | 3 | Không | The 19th International Conference on Computational Linguistics and Intelligent Text Processing, 18-03-2018, Hanoi, Vietnam, ISBN: 978-3-319-18117-2 | - Scopus |  |  | 03/2018 |
| 41 | NLP@UIT at SemEval-2019 Task 4: The Paparazzo Hyperpartisan News Detector                                          | 3 | Không | Proceedings of the 13th International Workshop on Semantic Evaluation, ISBN: 978-1-950737-06-2                                                      |          |  |  | 06/2019 |
| 42 | UIT-HSE at WNUT-2020 Task 2: Exploiting CT-BERT for Identifying COVID-19 Information on the Twitter Social Network | 4 | Không | The 6th Workshop on Noisy User-generated Text (WNUT), United States, ISBN: 978-1-952148-76-7                                                        |          |  |  | 11/2020 |

|    |                                                                                                                       |   |       |                                                                                                                                                                    |          |  |  |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 43 | Gender Prediction Based on Vietnamese Names with Machine Learning Techniques                                          | 4 | Không | Proceedings of the 4th International Conference on Natural Language Processing and Information Retrieval (NLPIR), Seoul Republic of Korea, ISBN: 978-1-4503-7760-7 |          |  |  | 10/2020 |
| 44 | A Vietnamese Dataset for Evaluating Machine Reading Comprehension                                                     | 4 | Không | Proceedings of the 28th International Conference on Computational Linguistics (COLING), Barcelona, Spain, ISBN: 978-1-952148-27-9                                  | - Scopus |  |  | 10/2020 |
| 45 | Comparison Between Traditional Machine Learning Models and Neural Network Models For Vietnamese Hate Speech Detection | 4 | Không | The 2020 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF 2020), Ho Chi Minh City, Vietnam, ISBN: 978-1-7281-5377-3                 | - Scopus |  |  | 10/2020 |

|    |                                                                                |   |       |                                                                                                                                                    |          |  |  |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 46 | Job Prediction: From Deep Neural Network Models to Applications                | 4 | Không | The 2020 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF 2020), Ho Chi Minh City, Vietnam, ISBN: 978-1-7281-5377-3 | - Scopus |  |  | 10/2020 |
| 47 | Empirical Study of Text Augmentation on Social Media Text in Vietnamese        | 3 | Không | The 34th Pacific Asia Conference on Language, Information and Computation (PACLIC 2020), Ha Noi, Vietnam, ISBN: 2619-7782                          | - Scopus |  |  | 10/2020 |
| 48 | Multi-task Learning for Aspect and Polarity Recognition on Vietnamese Datasets | 5 | Không | The 16th International Conference of the Pacific Association for Computational Linguistics (PACLING), Ha Noi, Vietnam, ISBN: 978-981-15-6168-9     | - Scopus |  |  | 07/2020 |
| 49 | A Multi-filter BiLSTM-CNN Architecture for Vietnamese Sentiment Analysis       | 4 | Không | The 12th International Conference on Computational Collective Intelligence (ICCCI), Da Nang, Vietnam, ISBN: 978-3-030-63119-2                      |          |  |  | 10/2020 |



|    |                                                                                                                            |   |       |                                                                                                                                                |          |  |  |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 50 | Vietnamese Facebook Posts Classification Using Fine-Tuning BERT                                                            | 4 | Không | The 7th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS), Ho Chi Minh City, Vietnam, ISBN: 978-0-7381-0553-6                     |          |  |  | 10/2020 |
| 51 | Vietnamese Word Segmentation with SVM: Ambiguity Reduction and Suffix Capture                                              | 4 | Không | The 16th International Conference of the Pacific Association for Computational Linguistics (PACLING), Ha Noi, Vietnam, ISBN: 978-981-15-6167-2 | - Scopus |  |  | 07/2020 |
| 52 | A Simple and Efficient Ensemble Classifier Combining Multiple Neural Network Models on Social Media Datasets in Vietnamese | 4 | Không | The 34th Pacific Asia Conference on Language, Information and Computation (PACLIC 2020), Ha Noi, Vietnam, ISBN: 2619-7782                      | - Scopus |  |  | 10/2020 |

|    |                                                                                                          |   |       |                                                                                                                                                          |          |  |  |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--|--|---------|
| 53 | UIT-ViIC: A Dataset for the First Evaluation on Vietnamese Image Captioning                              | 4 | Không | International Conference on International Conference on Computational Collective Intelligence (ICCCI 2020), Da Nang, Vietnam, ISBN: 978-3-030-63007-2    | - Scopus |  |  | 11/2021 |
| 54 | An Experimental Study of Deep Neural Network Models for Vietnamese Multiple-Choice Reading Comprehension | 4 | Không | IEEE Eighth International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2020), Phu Quoc, Vietnam, ISBN: 978-1-7281-5469-5                           | - Scopus |  |  | 01/2021 |
| 55 | A Large-scale Dataset for Hate Speech Detection on Vietnamese Social Media Texts                         | 3 | Không | The 34th International Conference on Industrial, Engineering & Other Applications of Applied Intelligent Systems (IEA/AIE 2021), ISBN: 978-3-030-55788-1 | - Scopus |  |  | 07/2021 |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 5 ( [13] [18] [19] [20] [21] )

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| Không có |                        |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT       | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----------|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| Không có |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT       | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| Không có |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi Chú |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|

|   |                                                                                   |          |                                             |                                        |                                             |          |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------|----------|
| 1 | Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Công nghệ Thông tin định hướng Nhật Bản | Tham gia | Quyết định số 158/QĐ-ĐHCNTT ngày 22/3/2018  | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Quyết định số 158/QĐ-ĐHCNTT ngày 22/3/2018  | Không có |
| 2 | Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Thương mại Điện tử                      | Tham gia | Quyết định số 900/QĐ-ĐHCNTT ngày 28/12/2018 | Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh | Quyết định số 900/QĐ-ĐHCNTT ngày 28/12/2018 | Không có |

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

**Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.**

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm  
2021

Người đăng ký  
(Ký và ghi rõ họ tên)